

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **60/2025/HNGĐ-PT**

Ngày: 22/04/2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Lanh

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

2. Bà Phương Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa – Thư ký viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Vĩnh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 382/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2025/QĐ-PT ngày 12/03/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐ-PT ngày 31/03/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 19xx – Địa chỉ: Tổ xx, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A: Luật sư Nguyễn Thị O, Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 19xx – Địa chỉ: Pxx, ngõ xx phố V, phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Luật sư Ngô Văn Th, Công ty Luật TNHH DG, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn Nh, sinh năm 19xx – Địa chỉ: Số xx ngõ xx phố ĐG, tổ xx, phường ĐG, quận L, Thành phố Hà Nội.

- Ông Hoàng Văn H, sinh năm 19xx;

- Bà Bùi Thị TU, sinh năm 19xx;

- Anh Hoàng Văn U, sinh năm 19xx;

- Chị Phạm Thị HA, sinh năm 19xx;

- Cháu Trần Văn Y, sinh năm 20xx. Người đại diện theo pháp luật của cháu Y là chị Phạm Thị HA.

- Cháu Hoàng Văn BO, sinh năm 20xx;

- Cháu Hoàng Văn NG, sinh năm 20xx;

- Cháu Hoàng Văn LI, sinh năm 20xx;

- Cháu Hoàng Văn MH, sinh năm 20xx;

Người đại diện theo pháp luật của các cháu BO, LG, LI, MH là anh Hoàng Văn U và chị Phạm Thị HA.

Cùng địa chỉ: Số xx, ngõ xx Phố xx, tổ xx, phường NM, quận L, Thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

1.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông A và bà Trần Thị B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày xx/xx/20xx tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của bà B ngày càng thay đổi nên vợ chồng không còn hòa hợp, bà B thường xuyên lăng mạ và đòi ly hôn với ông. Ông bà chính thức ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Ông A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên xin được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu VO, sinh ngày xx/xx/20xx. Sau khi ly hôn, ông A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu VO, ông không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11/3/2024 ông A có đơn xin chia tài sản chung vợ chồng, cụ thể là nhà đất tại thửa đất số xx, tờ bản đồ số xx tại địa chỉ số xx, ngõ xx Phố xx, tổ xx, phường NM, quận L, Thành phố Hà Nội. Ngôi nhà được xây 5 tầng trên toàn bộ diện tích 52.5m² từ năm 2015; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị B với ông Trần Văn Nh vô hiệu.

Ngày 10/9/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm ông A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị B với ông Trần Văn Nh vô hiệu.

1.2. Bị đơn bà Trần Thị B trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn bà đồng ý với trình bày của ông A. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Ông A xin ly hôn, bà B đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu VO, sau ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị B với ông Trần Văn Nh vô hiệu của ông A, bà B không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B không đồng ý việc ông A rút một phần yêu cầu chia tài sản chung, nhưng bà B không có yêu cầu phân chia, không đồng ý nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng, không có yêu cầu phản tố, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

1.3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thống nhất trình bày tại phiên tòa sơ thẩm không đồng ý việc ông A rút một phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, nhưng không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác.

2. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 382/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024, Tòa án nhân dân quận Long Biên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị B.

- Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu VO, sinh ngày 15/8/2012.

Giao cháu VO cho ông Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trần Thị B cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị B với ông Trần Văn Nh vô hiệu. Về nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018500 ngày 02/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Ông A được trả lại số tiền 51.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018570 ngày 26/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

3. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị B kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm giao cháu VO cho bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giải quyết vấn đề tài sản chung vợ chồng và làm rõ số tiền theo tài liệu ông A cung cấp; trong quá trình giải quyết vụ án nếu có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng pháp luật thì hủy bản án sơ thẩm xét xử lại.

4. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà B giao nộp Tòa án: Bản sao Quyết định số 640/QĐ-TCCQ ngày 14/11/2001 của Ban Tổ chức chính quyền UBND Thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm bà Trần Thị B vào ngạch công chức giáo viên Mầm non; Bản sao Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND quận Long Biên về việc bổ nhiệm viên

chức quản lý trường học, điều động bà Trần Thị B (Hiệu trưởng Trường mầm non HN) đến công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường mầm non TA, thời hạn giữ chức vụ 5 năm kể từ ngày 01/6/2023; bản chính Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên về việc nâng mức phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với bà Trần Thị B; Đơn trình bày nguyện vọng của con chung cháu VO có nội dung mong muốn được tiếp tục ở với mẹ là bà B.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; về cấp dưỡng nuôi con, bà B thay đổi yêu cầu, bà không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Bà B trình bày, bà B hiện là Hiệu trưởng Trường mầm non TA quận L, thời hạn 5 năm kể từ ngày 01/6/2023, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Cháu VO hiện vẫn đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, tình trạng sức khỏe bình thường, học tập tốt.

Bà B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo liên quan đến Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/10/2015 giữa bên cho vay là bà Ng và bên vay là ông A, bà B; nội dung hợp đồng vay tiền là bên cho vay cho vay số tiền là 1.000.000.000đ nhưng lại ký nhận đã nhận đủ gốc 2 tỷ cộng lãi. Bà B đề nghị xem xét xác nhận số tiền 1.000.000.000đ chênh lên so với tiền vay là tài sản chung vợ chồng, và chia cho ông A, bà B mỗi người số tiền là 500.000.000đ.

- Ông A không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà B. Theo ông A, ông có nhà đất thuộc sở hữu riêng, có nơi ở ổn định trên địa bàn quận Long Biên; ông hiện làm cho doanh nghiệp mức thu nhập trên 15.000.000đ/tháng; chủ động về thời gian để chăm sóc, đưa đón con đi học; ngoài ra ông còn có thu nhập từ nguồn cho thuê nhà trung bình là 10.000.000đ/tháng. Ông đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm giao con chung là cháu VO cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

- Con chung là cháu VO có văn bản trình bày ý kiến hiện cháu là học sinh lớp 7Ax Trường THCS GY, quận L, Thành phố Hà Nội; cháu VO có mong muốn được ở với mẹ.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B, giao cháu VO cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, cháu VO hiện đang ở với bà B và có mong muốn được ở với mẹ, cháu đang được bà B chăm sóc tốt, được học tại Trường học tốt, về công việc và thu nhập bà B đủ điều kiện để nuôi con. Về yêu cầu kháng cáo của bà B đối với số tiền theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/10/2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền 1.000.000.000đ là tài sản chung vợ chồng, chia cho ông A, bà B mỗi người 500.000.000đ, ông A phải thanh toán cho bà B số tiền 500.000.000đ này.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A đề nghị, xét điều kiện của bà B hiện tại đang đi ở nhà thuê, bà B còn có một con riêng phải chăm sóc, điều kiện về nơi ở và thu nhập của bà B không đảm bảo VO bằng ông A trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu VO; thực tế quan hệ giữa ông A và

cháu VO tốt, không đúng như nội dung cháu VO trình bày trong đơn gửi Tòa án; đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm về việc nuôi con, giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Về nội dung kháng cáo của bà B liên quan đến Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/10/2015, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết hợp đồng này nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có kháng cáo thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bà B: Xét ông A, bà B đều có điều kiện để nuôi con chung; ông, bà không thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung; con chung cháu VO có ý kiến trình bày xin được ở với mẹ; hiện cháu VO đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng; để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu VO khi bố mẹ ly hôn, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, do bà B không yêu cầu. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà B liên quan đến Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/10/2015, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị B đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 382/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên được nộp trong thời hạn, nội dung đơn, người kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm; nên kháng cáo là hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bà B:

[3.1] Bà B kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu VO, sinh ngày xx/xx/20xx.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên

sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Theo ý kiến trình bày của ông A, bà B kèm theo tài liệu chứng cứ chứng minh về điều kiện để nuôi con, nơi ở, công việc, thu nhập thì ông A, bà B đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Cháu VO hiện đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu VO hiện là học sinh lớp 7A8 Trường THCS Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Tình trạng sức khỏe, học tập của cháu VO bình thường. Cháu VO có nguyện vọng được ở với mẹ.

Do đó, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu VO trong thời gian đầu bố mẹ ly hôn, giao cháu VO cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B.

Bà B không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà B về xem xét tài sản chung theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/10/2015 giữa bên cho vay là bà Ng và bên vay là ông A, bà B, theo bà B thì nội dung hợp đồng vay tiền là bên cho vay cho vay số tiền là 1 tỷ đồng, nhưng ký nhận đã nhận đủ số tiền 2 tỷ đồng và tiền lãi, bà B yêu cầu xem xét số tiền đã trả nhiều hơn tiền vay là tài sản chung vợ chồng và chia đôi cho ông A, bà B. Theo nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu chia tài sản chung, không nộp tạm ứng án phí chia tài sản, Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng; về nợ chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu của bà B về Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/10/2015 nêu trên, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông A, bà B tự nguyện ly hôn, nên mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 382/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị B.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị B có một con chung là cháu VO, sinh ngày xx/xx/20xx; tình trạng sức khỏe của con chung bình thường.

Giao cháu VO cho bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

Bà B không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị B với ông Trần Văn Nh vô hiệu.

Về nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018500 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Hoàn trả ông A số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông A được trả lại số tiền 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018570 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Bà B phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà B số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0051258 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Tòa án nhân dân quận Long Biên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Lanh